

Số: 3720 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty cổ phần công nghiệp Chính Xác Việt Nam, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai II, Công ty TNHH Elensys TP. Hồ Chí Minh do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Trảng Bom**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của UBND huyện Trảng Bom tại Tờ trình số 245/TTr-UBND, Tờ trình số 246/TTr-UBND và Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 732/TTr-LĐTBXH ngày 29 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty cổ phần công nghiệp Chính Xác Việt Nam, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai II, Công ty TNHH Elensys TP. Hồ Chí Minh do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Trảng Bom, như sau:

1. Công ty cổ phần công nghiệp Chính Xác Việt Nam, địa chỉ: Khu Công nghiệp Hồ Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, gồm 292 người lao động ngừng việc với kinh phí hỗ trợ là 292.000.000 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai II, địa chỉ: Xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, gồm 02 người lao động ngừng việc với kinh phí hỗ trợ là 2.000.000 đồng và 02 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (03 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng chẵn).

3. Công ty TNHH Elensys TP. Hồ Chí Minh, địa chỉ: Khu Công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, gồm 93 người lao động ngừng việc với kinh phí hỗ trợ là 93.000.000 đồng, trong đó có 02 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 2.000.000 đồng và 04 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (04 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 4.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng chẵn).

*(Danh sách đính kèm theo Quyết định)*

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao UBND huyện Trảng Bom chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Trảng Bom và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *dm*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sơn Hùng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID -19  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CHÍNH XÁC VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 8720 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                  | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-------------------------------------|-------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|                                     |                   |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                   |                                 |                         |            |                                           |                    |                            |                                          |               |                                           |                               |
| 1                                   | Vũ Ngọc Hòa       | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 4797064559 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | VŨ NGỌC HÒA                              | 0121001366527 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271143278                     |
| 2                                   | Hoàng Văn Châu    | Lắp Ráp                         | Không xác định thời hạn | 4797064571 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HOÀNG VĂN CHÂU                           | 0121001933325 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271397284                     |
| 3                                   | Nguyễn Khắc Thắng | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 4798115569 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN KHẮC THẮNG                        | 0121001370192 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 181940318                     |
| 4                                   | Mai Quang Khanh   | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 4703030683 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | MAI QUANG KHANH                          | 0121001905752 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271279068                     |
| 5                                   | Nguyễn Thị Vui    | Gia Công CNC-1                  | Không xác định thời hạn | 4703030685 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN THỊ VUI                           | 0121001365338 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 162320847                     |
| 6                                   | Giáp Văn Bách     | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 4703030690 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | GIÁP VĂN BÁCH                            | 0121000367564 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271339217                     |

| TT | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|---------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                     |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 7  | Phạm Văn Đạo        | Dập-1                           | Không xác định thời hạn | 4703030694 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM VĂN ĐẠO                             | 0121000349911 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271787475                     |
| 8  | Dư Quốc Thắng       | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 4703030723 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | DU QUỐC THẮNG                            | 0121001268731 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271303805                     |
| 9  | Nguyễn Văn Hùng     | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 4703030824 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN HÙNG                          | 0121000362032 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271131817                     |
| 10 | Ngô Xuân Hiền       | Quản lý sản xuất-2              | Không xác định thời hạn | 4703030893 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGÔ XUÂN HIỀN                            | 0121001363381 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 280756420                     |
| 11 | Bùi Huy Hoàng       | Khuôn Mẫu                       | Không xác định thời hạn | 4703031048 | 15/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | BÙI HUY HOÀNG                            | 0121001362477 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 331196306                     |
| 12 | Phạm Đức Hòa        | Quản Lý Thiết Bị-1              | Không xác định thời hạn | 4703031061 | 18/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM ĐỨC HÒA                             | 0121001438375 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271377729                     |
| 13 | Nguyễn Văn Thao     | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 4703031117 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN THAO                          | 0121000774952 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 060650673                     |
| 14 | Hoàng Mai Sỹ        | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 4703031224 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HOÀNG MAI SỸ                             | 0121000616556 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 162299380                     |
| 15 | Phạm Văn Tám        | Dập-1                           | Không xác định thời hạn | 4703031275 | 15/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM VĂN TÁM                             | 0121001458690 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271179739                     |
| 16 | Đào Văn Hoàng Thịnh | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 4703031374 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐÀO VĂN HOÀNG THỊNH                      | 0121000352131 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 280803085                     |

| TT | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|--------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                    |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 17 | Trần Văn Đoạt      | Gia Công CNC-1                  | Không xác định thời hạn | 4704014054 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN VĂN ĐOẠT                            | 0121001710655 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 371112293                     |
| 18 | Phạm Minh Trí      | Lắp Ráp                         | Không xác định thời hạn | 4704014168 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM MINH TRÍ                            | 0121001364424 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271323556                     |
| 19 | Nguyễn Quốc Trường | Ví Tinh                         | Không xác định thời hạn | 4704014201 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG                       | 0121000344847 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271263225                     |
| 20 | Kiều Thị Bích Niên | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 4705004058 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | KIỀU THỊ BÍCH NIÊN                       | 0121000352306 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272291256                     |
| 21 | Nguyễn Như Sanh    | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 4705004083 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN NHƯ SANH                          | 0121001786893 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 221148172                     |
| 22 | Trương Thị Trinh   | Quản lý sản xuất-2              | Không xác định thời hạn | 4705004085 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRƯƠNG THỊ TRINH                         | 0121000344700 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 183256651                     |
| 23 | Lã Xuân Trường     | Kiểm soát chất lượng            | Không xác định thời hạn | 4705047269 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÃ XUÂN TRƯỜNG                           | 0121000352618 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271668954                     |
| 24 | Thân Văn Công      | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 9101025476 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | THÂN VĂN CÔNG                            | 0121000361595 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271484598                     |
| 25 | Lê Quang Chí       | Kỹ Thuật                        | Không xác định thời hạn | 4705047365 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ QUANG CHÍ                             | 0121000359399 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271384982                     |
| 26 | Nguyễn Văn Hà      | Dập-1                           | Không xác định thời hạn | 4705047376 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN HÀ                            | 0121001952406 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271412189                     |

| TT | Họ và tên          | Phòng, ban,<br>phân xưởng<br>làm việc | Loại hợp<br>đồng lao động  | Mã số<br>BHXH | Thời gian tạm hoãn<br>HDLĐ/ngời không lương |                       | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                 | Số<br>CMND/thẻ<br>căn cước<br>công dân |
|----|--------------------|---------------------------------------|----------------------------|---------------|---------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|
|    |                    |                                       |                            |               | Từ ngày<br>tháng năm                        | Đến ngày<br>tháng năm |                               | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                       |                                        |
| 27 | Hà Văn Bình        | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 4704024916    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | HÀ VĂN BÌNH                              | 0121000914102 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 151135907                              |
| 28 | Trần Thị Thu Hiền  | Dập-2                                 | Không xác<br>định thời hạn | 4705004361    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN THỊ THU<br>HIỀN                     | 0121000587649 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 183326061                              |
| 29 | Thái Hữu Sung      | Dập-1                                 | Không xác<br>định thời hạn | 4706003589    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | THÁI HỮU SUNG                            | 0121000565441 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 186033256                              |
| 30 | Trần Thị Hồng Vinh | Quản lý sản<br>xuất-2                 | Không xác<br>định thời hạn | 4706003615    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN THỊ HỒNG<br>VINH                    | 0121000587548 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 182528408                              |
| 31 | Hoàng Hồng Anh     | Nghiên Cứu<br>và Thiết Kế<br>Sản Phẩm | Không xác<br>định thời hạn | 4706003645    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | HOÀNG HỒNG<br>ANH                        | 0121000587319 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 197152650                              |
| 32 | Nguyễn Thị Toàn    | Dập-2                                 | Không xác<br>định thời hạn | 4706003685    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN THỊ<br>TOÀN                       | 0121000616381 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 172424337                              |
| 33 | Trần Văn Dũng      | Kiểm soát<br>chất lượng               | Không xác<br>định thời hạn | 4706038166    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN VĂN DŨNG                            | 0121001014014 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 271607373                              |
| 34 | Nguyễn Thị Mai     | Lắp Ráp                               | Không xác<br>định thời hạn | 4706038167    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN THỊ<br>MAI                        | 0121000792887 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 271687856                              |
| 35 | Lê Thị Phương      | Gia Công<br>CNC-2                     | Không xác<br>định thời hạn | 4706038178    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LÊ THỊ PHƯƠNG                            | 0121001369167 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 171884063                              |
| 36 | Nguyễn Văn Khương  | Gia Công<br>CNC-2                     | Không xác<br>định thời hạn | 4706038184    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VĂN<br>KHUÔNG                     | 0121000914038 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272678176                              |

| TT | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                   |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 37 | Huỳnh Thoại Thịnh | Tổng Vụ-2                       | Không xác định thời hạn | 0203300477 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HUYỀN THOẠI THỊNH                        | 0121001360237 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 023424948                     |
| 38 | Hoàng Trần Xuân   | Khuôn Mẫu                       | Không xác định thời hạn | 4706080085 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HOÀNG TRẦN XUÂN                          | 0121001365558 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 182510552                     |
| 39 | Nguyễn Trọng Nhân | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 4703031284 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN TRỌNG NHÂN                        | 0121001371501 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271377389                     |
| 40 | Trần Thị Luân     | Lắp Ráp                         | Không xác định thời hạn | 4707097127 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN THỊ LUÂN                            | 0121001266858 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272560530                     |
| 41 | Châu Trần Mạnh    | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 4707097292 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | CHÂU TRẦN MẠNH                           | 0121001410126 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271646884                     |
| 42 | Phạm Hùng Lưu     | Lắp Ráp                         | Không xác định thời hạn | 4707179439 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM HÙNG LƯU                            | 0121001486227 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271608255                     |
| 43 | Lang Văn Thành    | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 4707179478 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LANG VĂN THÀNH                           | 0121001508561 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 186684234                     |
| 44 | Lương Quốc Dũng   | Quản Lý Thiết Bị-2              | Không xác định thời hạn | 7508055690 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LƯƠNG QUỐC DŨNG                          | 0121001713341 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271740170                     |
| 45 | Nguyễn Minh Cường | Lắp Ráp                         | Không xác định thời hạn | 7508055715 | 24/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN MINH CƯỜNG                        | 0121001788657 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271530553                     |
| 46 | Lê Hoàng Nguyên   | Ví Tinh                         | Không xác định thời hạn | 4706103031 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ HOÀNG NGUYÊN                          | 0121001856089 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271498663                     |

| TT | Họ và tên                | Phòng, ban,<br>phân xưởng<br>làm việc | Loại hợp<br>đồng lao động  | Mã số<br>BHXH | Thời gian tạm hoãn<br>HDLĐ/ngỉ không lương |                       | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                 | Số<br>CMND/thẻ<br>căn cước<br>công dân |
|----|--------------------------|---------------------------------------|----------------------------|---------------|--------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|
|    |                          |                                       |                            |               | Từ ngày<br>tháng năm                       | Đến ngày<br>tháng năm |                               | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                       |                                        |
| 47 | Đặng Thị Hóa             | Kiểm soát<br>chất lượng               | Không xác<br>định thời hạn | 7508056539    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐẶNG THỊ HÓA                             | 0121001873205 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 183513339                              |
| 48 | Đặng Văn Hải             | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7508173652    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐẶNG VĂN HẢI                             | 0121002004310 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 186842320                              |
| 49 | Lê Thị Hà                | Nghiên Cứu<br>và Thiết Kế<br>Sân Phẩm | Không xác<br>định thời hạn | 4704047378    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LÊ THỊ HÀ                                | 0121002369539 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 111869453                              |
| 50 | Nguyễn Minh Trung        | Gia Công<br>CNC-1                     | Không xác<br>định thời hạn | 4702005456    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN MINH<br>TRUNG                     | 0001019691120 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 270988956                              |
| 51 | Lê Thị Vân               | Kiểm soát<br>chất lượng               | Không xác<br>định thời hạn | 7508138691    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LÊ THỊ VÂN                               | 0121002485253 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272579382                              |
| 52 | Nguyễn Thị Thanh<br>Hiền | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7509037612    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN THỊ<br>THANH HIỀN                 | 0121002485381 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 261080781                              |
| 53 | Trần Quang Hải           | Gia Công<br>CNC-2                     | Không xác<br>định thời hạn | 7508130379    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN QUANG<br>HẢI                        | 0121002484981 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 271279834                              |
| 54 | Nguyễn Văn Thọ           | Dập-2                                 | Không xác<br>định thời hạn | 7510052321    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VĂN<br>THỌ                        | 0121002534687 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272103970                              |
| 55 | Văn Anh Huy              | Lắp Ráp                               | Không xác<br>định thời hạn | 7510067778    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | VĂN ANH HUY                              | 0121002558988 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 230802457                              |
| 56 | Lại Ngọc Huynh           | Lắp Ráp                               | Không xác<br>định thời hạn | 7508233472    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LẠI NGỌC<br>HUYNH                        | 0121002093651 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 361841515                              |

| TT | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                   |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 57 | Ngô Thị Thùy      | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 7509025104 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGÔ THỊ THÙY                             | 0121000623970 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 186424489                     |
| 58 | Nguyễn Hoàng Nhân | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7508178250 | 15/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN HOÀNG NHÂN                        | 0121000623950 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 260983710                     |
| 59 | Nguyễn Văn Nam    | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 7510060309 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN NAM                           | 0121000624089 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 381516683                     |
| 60 | Nguyễn Hữu Trung  | Lắp Ráp                         | Không xác định thời hạn | 4703030733 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN HỮU TRUNG                         | 0121000350724 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 151228398                     |
| 61 | Nguyễn Út Anh     | Sơn                             | Không xác định thời hạn | 7509130185 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN ÚT ANH                            | 0121000624017 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 365448092                     |
| 62 | Lê Văn Công       | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7510047475 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ VĂN CÔNG                              | 0121002754157 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271314633                     |
| 63 | Bùi Thúc Hào      | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 4700165070 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | BÙI THỨC HÀO                             | 0121000354023 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272291518                     |
| 64 | Bùi Quốc Phú      | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7511086047 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | BÙI QUỐC PHÚ                             | 0121000640055 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 183890995                     |
| 65 | Bùi Duy Cường     | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 7511086084 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | BÙI DUY CƯỜNG                            | 0121000642180 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 186876901                     |
| 66 | Hồ Xuân Sơn       | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7511119732 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HỒ XUÂN SƠN                              | 0121000652193 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271427044                     |

| TT | Họ và tên            | Phòng, ban,<br>phân xưởng<br>làm việc | Loại hợp<br>đồng lao động  | Mã số<br>BHXH | Thời gian tạm hoãn<br>HDLĐ/ngỉ không lương |                       | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                 | Số<br>CMND/thẻ<br>căn cước<br>công dân |
|----|----------------------|---------------------------------------|----------------------------|---------------|--------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|
|    |                      |                                       |                            |               | Từ ngày<br>tháng năm                       | Đến ngày<br>tháng năm |                               | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                       |                                        |
| 67 | Nguyễn Thị Bích Hạnh | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7511130278    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN THỊ<br>BÍCH HẠNH                  | 0121000665535 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 142120610                              |
| 68 | Lê Tuấn Hải          | Sơn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7508002304    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LÊ TUẤN HẢI                              | 0121001695744 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 271905956                              |
| 69 | Phạm Văn Hải         | Dập-1                                 | Không xác<br>định thời hạn | 7512003776    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | PHẠM VĂN HẢI                             | 0121000665534 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 270970028                              |
| 70 | Hồ Chế Linh          | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7510055413    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | HỒ CHẾ LINH                              | 0121000658614 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 351751870                              |
| 71 | Đặng Văn Công        | Dập-1                                 | Không xác<br>định thời hạn | 7508062482    | 15/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐẶNG VĂN<br>CÔNG                         | 0121001873030 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 182519742                              |
| 72 | Phan Thị Khánh Hòa   | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7512007806    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | PHAN THỊ<br>KHÁNH HÒA                    | 0121000660863 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 183890339                              |
| 73 | Nguyễn Văn Phú       | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7511168002    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VĂN<br>PHÚ                        | 0121000660803 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 172698956                              |
| 74 | Nguyễn Thị Hằng Nga  | Lắp Ráp                               | Không xác<br>định thời hạn | 4703028113    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN THỊ<br>HÀNG NGA                   | 0121000665538 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 183304868                              |
| 75 | Ngô Đức Thành        | Quản lý sản<br>xuất-2                 | Không xác<br>định thời hạn | 7512010260    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGÔ ĐỨC<br>THÀNH                         | 0121000660737 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 271350020                              |
| 76 | Trần Văn Hải         | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 4707090023    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN VĂN HẢI                             | 0121001135985 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 271756751                              |

| TT | Họ và tên        | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                  |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 77 | Hồ Ngọc Hiệp     | Son                             | Không xác định thời hạn | 7508142383 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HỒ NGỌC HIỆP                             | 0121001930336 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 186481716                     |
| 78 | Nguyễn Sỹ Hoài   | Dập-1                           | Không xác định thời hạn | 4707145242 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN SỸ HOÀI                           | 0121000662923 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 183400474                     |
| 79 | Vô Văn Biển      | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 0207454162 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | VÔ VĂN BIỂN                              | 0121000664752 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 186307370                     |
| 80 | Phan Huy         | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 7510090914 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHAN HUY                                 | 0121002851891 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 183727964                     |
| 81 | Nguyễn Trọng Đắc | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 7512032328 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN TRỌNG ĐẮC                         | 0231000327927 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 183593090                     |
| 82 | Nguyễn Văn Quang | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 7512050812 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN QUANG                         | 0121000673122 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272214327                     |
| 83 | Phan Minh Quang  | Khuôn Mẫu                       | Không xác định thời hạn | 7511127698 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHAN MINH QUANG                          | 0481000658870 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 194356183                     |
| 84 | Nguyễn Gia Ngọc  | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7513004822 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN GIA NGỌC                          | 0121000690431 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271680004                     |
| 85 | Nguyễn Vinh      | Tổng Vư-1                       | Không xác định thời hạn | 7513046463 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VINH                              | 0121000698781 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 270920370                     |
| 86 | Hoàng Thị La     | Lắp Ráp                         | Không xác định thời hạn | 7513067152 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HOÀNG THỊ LA                             | 0121000708678 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 101046421                     |

| TT | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|--------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                    |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 87 | Trần Lộc           | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 4707131822 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN LỘC                                 | 0121002155122 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 191528393                     |
| 88 | Phạm Đăng Tiếp     | Kiểm soát chất lượng            | Không xác định thời hạn | 4704054003 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM ĐĂNG TIẾP                           | 0121000718433 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 245157176                     |
| 89 | Phạm Minh Tuấn     | Đúc Sáp                         | Không xác định thời hạn | 7508075253 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM MINH TUẤN                           | 0121000727464 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271351686                     |
| 90 | Chu Văn Hùng       | Đúc Sáp                         | Không xác định thời hạn | 7514042269 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | CHU VĂN HÙNG                             | 0121000733742 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 173391136                     |
| 91 | Nguyễn Minh Hiếu   | Cắt                             | Không xác định thời hạn | 7514046947 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN MINH HIẾU                         | 0121000734706 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272580827                     |
| 92 | Nguyễn Văn Huỳnh   | Cắt                             | Không xác định thời hạn | 7508148338 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN HUỠNH                         | 0531002472487 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 250557020                     |
| 93 | Nguyễn Quang Hùng  | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7514033256 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN QUANG HÙNG                        | 0121000740003 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 197259646                     |
| 94 | Nguyễn Quang Tuyền | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 7514061131 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN QUANG TUYỀN                       | 0121000740013 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272488411                     |
| 95 | Lê Tấn Hồng        | Sơn                             | Không xác định thời hạn | 7514068664 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ TẤN HỒNG                              | 0121000743435 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 310744321                     |
| 96 | Nguyễn Văn Huy     | Sơn                             | Không xác định thời hạn | 4707139920 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN HUY                           | 0121000660396 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272501435                     |

| TT  | Họ và tên        | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/hệ căn cước công dân |
|-----|------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|------------------------------|
|     |                  |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                              |
| 97  | Lê Văn Thanh     | Gia Công CNC-1                  | Không xác định thời hạn | 7509091462 | 15/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ VĂN THANH                             | 0121000749041 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272668235                    |
| 98  | Phạm Mạnh Thắng  | Gia Công CNC-1                  | Không xác định thời hạn | 7515002249 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM MẠNH THẮNG                          | 0121000749053 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 270970958                    |
| 99  | Trần Hoài Thiên  | Dập-1                           | Không xác định thời hạn | 7515002254 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN HOÀI THIÊN                          | 0121000749073 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 363694546                    |
| 100 | Thái Văn Quý     | Quản lý sản xuất-2              | Không xác định thời hạn | 7515002266 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | THÁI VĂN QUÝ                             | 0121000749216 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 023785225                    |
| 101 | Lê Nam Anh       | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 7515002270 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ NAM ANH                               | 0121000749235 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 184074711                    |
| 102 | Cao Tiến Lê      | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 7508080276 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | CAO TIẾN LÊ                              | 0121000749240 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272712525                    |
| 103 | Nguyễn Văn Thiên | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 7509144956 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN THIÊN                         | 0121002779409 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 172714093                    |
| 104 | Lê Minh Chiêu    | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 7508221224 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ MINH CHIÊU                            | 0071004874939 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271430789                    |
| 105 | Đặng Quang Tuyền | Khuôn Mẫu                       | Không xác định thời hạn | 7511124690 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐẶNG QUANG TUYẾN                         | 0121000693736 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272124062                    |
| 106 | Phan Văn Sơn     | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7508169084 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHAN VĂN SƠN                             | 0121000751258 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272666970                    |

| TT  | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|--------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|     |                    |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 107 | Nguyễn Tấn Thanh   | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7515008250 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN TẤN THANH                         | 0121000751267 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 241410419                     |
| 108 | Nguyễn Văn Dương   | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7508099290 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN DƯƠNG                         | 0121000761540 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 162689310                     |
| 109 | Nguyễn Thanh Cọt   | Son                             | Không xác định thời hạn | 7513016783 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN THANH CỘT                         | 0121000690636 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 352349586                     |
| 110 | Nguyễn Thế Thị     | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7515029002 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN THẾ THỊ                           | 0121000760329 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 261244917                     |
| 111 | Võ Thị Nhung       | Dập-1                           | Không xác định thời hạn | 7515037427 | 23/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | VÕ THỊ NHUNG                             | 0121000762087 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 186770453                     |
| 112 | Nguyễn Văn Đan     | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 7513079449 | 19/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN ĐAN                           | 0121000709134 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 100813955                     |
| 113 | Đặng Quang Tuyền   | Kiểm soát chất lượng            | Không xác định thời hạn | 7511122334 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐẶNG QUANG TUYỀN                         | 0121000648815 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272007789                     |
| 114 | Nguyễn Văn Hoàng   | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 7513066953 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN HOÀNG                         | 0121000780997 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272776034                     |
| 115 | Nguyễn Sĩ Duy Linh | Dập-1                           | Không xác định thời hạn | 7511035542 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN SĨ DUY LINH                       | 0121000720232 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 092079001894                  |
| 116 | Nguyễn Thị Yến     | Kiểm soát chất lượng            | Không xác định thời hạn | 7511161734 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN THỊ YẾN                           | 0481000638159 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 361829842                     |

| TT  | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|-------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|     |                   |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 117 | Lê Quốc Trung     | Kiểm soát chất lượng            | Không xác định thời hạn | 7508012752 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ QUỐC TRUNG                            | 0121000793570 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 365455934                     |
| 118 | Nguyễn Thanh Tùng | Kế Hoạch                        | Không xác định thời hạn | 4707048339 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN THANH TÙNG                        | 0121000794342 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271808801                     |
| 119 | Vũ Duy Khởi       | Gia Công CNC-1                  | Không xác định thời hạn | 7511100556 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | VŨ DUY KHỞI                              | 0121000796373 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 172668954                     |
| 120 | Lê Trọng Thành    | Khuôn Mẫu                       | Không xác định thời hạn | 2712050772 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ TRỌNG THÀNH                           | 0121000796707 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 173614228                     |
| 121 | Lê Chí Nguyễn     | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7516047160 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ CHÍ NGUYỄN                            | 0121000816746 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 381724044                     |
| 122 | Nguyễn Hữu Triều  | Son                             | Không xác định thời hạn | 7514039706 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN HỮU TRIỀU                         | 0071004929176 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 261062274                     |
| 123 | Trần Văn Trung    | Tổng Vực-2                      | Không xác định thời hạn | 2611028639 | 25/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN VĂN TRUNG                           | 0121000802736 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 183977970                     |
| 124 | Thòng Thị Kim     | Son                             | Không xác định thời hạn | 4704042941 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | THÒNG THỊ KIM                            | 0121000686782 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271738053                     |
| 125 | Nguyễn Giang Từ   | Dập-1                           | Không xác định thời hạn | 7516066769 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN GIANG TỪ                          | 0121000812847 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 371575732                     |
| 126 | Nguyễn Văn Hoàng  | Khuôn Mẫu                       | Không xác định thời hạn | 7515110213 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN HOÀNG                         | 0121000807253 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 197261854                     |
| 127 | Dương Hoàng Vũ    | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 7515061269 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | DƯƠNG HOÀNG VŨ                           | 0121000818178 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 341788672                     |

| TT  | Họ và tên         | Phòng, ban,<br>phân xưởng<br>làm việc | Loại hợp<br>đồng lao động  | Mã số<br>BHXH | Thời gian tạm hoãn<br>HDLĐ/ngỉ không lương |                       | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                 | Số<br>CMND/thẻ<br>căn cước<br>công dân |
|-----|-------------------|---------------------------------------|----------------------------|---------------|--------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|
|     |                   |                                       |                            |               | Từ ngày<br>tháng năm                       | Đến ngày<br>tháng năm |                               | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                       |                                        |
| 128 | Cao Thanh Bình    | Dập-1                                 | Không xác<br>định thời hạn | 7515025454    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | CAO THANH<br>BÌNH                        | 012100077749  | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 194417373                              |
| 129 | Đặng Văn Thiện    | Gia Công<br>CNC-2                     | Không xác<br>định thời hạn | 7512063766    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐẶNG VĂN<br>THIỆN                        | 0121000691583 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 186770701                              |
| 130 | Nguyễn Trọng Hiếu | Tổng Vụ-2                             | Không xác<br>định thời hạn | 7526487156    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN TRỌNG<br>HIẾU                     | 0121001109718 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272012770                              |
| 131 | Lê Viết Đàn       | Khuôn Mẫu                             | Không xác<br>định thời hạn | 4217427177    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LÊ VIẾT ĐÀN                              | 0401001367880 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 183896750                              |
| 132 | Nguyễn Văn Vinh   | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 3822894002    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VĂN<br>VINH                       | 0121000845166 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 174769590                              |
| 133 | Cao Khắc Tuấn     | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 4025656584    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | CAO KHẮC TUẤN                            | 0121000845163 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 187042380                              |
| 134 | Nguyễn Hữu Đông   | Dập-1                                 | Không xác<br>định thời hạn | 4221347086    | 10/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN HỮU<br>ĐÔNG                       | 0121002521650 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 183752137                              |
| 135 | Điền Năm Hòa      | Công Vụ                               | Không xác<br>định thời hạn | 7511007420    | 16/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐIỀU NĂM HÒA                             | 0121000616975 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 271926493                              |
| 136 | Nguyễn Tiến Đạt   | Kỹ Thuật                              | Không xác<br>định thời hạn | 7423008482    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN TIẾN<br>ĐẠT                       | 0461000573256 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 281063628                              |
| 137 | Lê Bình Long      | Gia Công<br>CNC-2                     | Không xác<br>định thời hạn | 9222926638    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LÊ BÌNH LONG                             | 0121000850173 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 362446502                              |
| 138 | Đỗ Minh Tuấn      | Sơn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7526721254    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐỖ MINH TUẤN                             | 0121000852414 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272493700                              |
| 139 | Đỗ Văn Hòn        | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 6622849478    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐỖ VĂN HÒN                               | 0121000855272 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 240786376                              |

| TT  | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|----------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|     |                      |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 140 | Lê Khắc Quân         | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 4217007572 | 15/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ KHẮC QUÂN                             | 0121000856944 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 184245133                     |
| 141 | Lã Thị Kim Hằng      | Kiểm soát chất lượng            | Không xác định thời hạn | 7524193712 | 16/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÃ THỊ KIM HẰNG                          | 0121000856941 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272502397                     |
| 142 | Nguyễn Văn Hải       | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7526762677 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN HẢI                           | 0121000856943 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 122094772                     |
| 143 | Nguyễn Thanh Hải     | Cắt                             | Không xác định thời hạn | 9423190203 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN THANH HẢI                         | 0441000760740 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 366065247                     |
| 144 | Nguyễn Hữu Chí       | Cắt                             | Không xác định thời hạn | 7514170480 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN HỮU CHÍ                           | 0121000781740 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 381474579                     |
| 145 | Nào Thiên Trinh      | Quản Lý Thiết Bị-2              | Không xác định thời hạn | 7514010077 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NÀO THIÊN TRINH                          | 0481000825337 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 264329554                     |
| 146 | Lê Duy Mạnh          | Khuôn Mẫu                       | Không xác định thời hạn | 7510088868 | 12/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ DUY MẠNH                              | 0121000656657 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 183804909                     |
| 147 | Đặng Kim Đồng        | Lắp Ráp                         | Không xác định thời hạn | 5421139782 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐẶNG KIM ĐỒNG                            | 0121000865140 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 221452673                     |
| 148 | Nguyễn Thị Hồng Thủy | Thiết Kế                        | Không xác định thời hạn | 7523472162 | 09/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN THỊ HỒNG THỦY                     | 0281000541081 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272457434                     |
| 149 | Nguyễn Văn Út        | Gia Công CNC-2                  | Không xác định thời hạn | 9321923011 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN ÚT                            | 0121000870671 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 363674223                     |
| 150 | Đinh Xuân Tú         | Gia Công CNC-1                  | Không xác định thời hạn | 7416152081 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐINH XUÂN TÚ                             | 0121000872780 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 044098001972                  |
| 151 | Lê Văn Công          | Đúc Sáp                         | Không xác định thời hạn | 7513046724 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ VĂN CÔNG                              | 0121000874914 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 341802985                     |

| TT  | Họ và tên           | Phòng, ban,<br>phân xưởng<br>làm việc | Loại hợp<br>đồng lao động  | Mã số<br>BHXH | Thời gian tạm hoãn<br>HDLĐ/ngời không lương |                       | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                 | Số<br>CMND/thẻ<br>căn cước<br>công dân |
|-----|---------------------|---------------------------------------|----------------------------|---------------|---------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|
|     |                     |                                       |                            |               | Từ ngày<br>tháng năm                        | Đến ngày<br>tháng năm |                               | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                       |                                        |
| 152 | Đỗ Văn Mạnh         | Gia Công<br>CNC-2                     | Không xác<br>định thời hạn | 6622798138    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐỖ VĂN MẠNH                              | 0121000874988 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 241733975                              |
| 153 | Nguyễn Văn Khánh    | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7516080444    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VĂN<br>KHÁNH                      | 0121000818264 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 352433334                              |
| 154 | Hoàng Mạnh Cường    | Gia Công<br>CNC-2                     | Không xác<br>định thời hạn | 7516115206    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | HOÀNG MẠNH<br>CƯỜNG                      | 0121000875030 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 164632620                              |
| 155 | Hoàng Sỹ Sơn        | Gia Công<br>CNC-2                     | Không xác<br>định thời hạn | 7512049048    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | HOÀNG SỸ SƠN                             | 0121000670625 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 187083767                              |
| 156 | Đặng Thanh Nam      | Sơn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 6020281375    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐẶNG THANH<br>NAM                        | 0621000431768 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 261224349                              |
| 157 | Trần Thanh Phương   | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 8722453299    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN THANH<br>PHƯƠNG                     | 0871004238723 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 341537494                              |
| 158 | Huỳnh Minh Dương    | Sơn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 9623068464    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | HUỲNH MINH<br>DUƠNG                      | 0121000884330 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 381462621                              |
| 159 | Nguyễn Thanh Sang   | Khuôn Mẫu                             | Không xác<br>định thời hạn | 9321663223    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN THANH<br>SANG                     | 0121000887164 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 364106279                              |
| 160 | Nguyễn Tú Anh       | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7526928017    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN TÚ ANH                            | 0121000887586 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272803289                              |
| 161 | Phạm Trung Hiếu     | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 4023954638    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | PHẠM TRUNG<br>HIẾU                       | 0121000888432 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 187621707                              |
| 162 | Lê Văn Quý          | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7909123249    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LÊ VĂN QUÝ                               | 0401000500908 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 381462927                              |
| 163 | Nguyễn Thị Kim Thoa | Kiểm soát<br>chất lượng               | Không xác<br>định thời hạn | 7508004920    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN THỊ<br>KIM THOA                   | 0121000765324 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272756922                              |

| TT  | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|--------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|     |                    |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 164 | Phan Văn Kiệt      | Dập-2                           | Không xác định thời hạn | 7516077824 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHAN VĂN KIẾT                            | 0121000815678 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 352354672                     |
| 165 | Nguyễn Thị Soạn    | Kiểm soát chất lượng            | Không xác định thời hạn | 7512048394 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN THỊ SOẠN                          | 0121000799951 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272776339                     |
| 166 | Lê Văn Dĩ          | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 9124059475 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ VĂN DĨ                                | 0871004240578 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 371772616                     |
| 167 | Nguyễn Quang Huy   | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7516212766 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN QUANG HUY                         | 0121000825670 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 050761304                     |
| 168 | Nguyễn Đình Toàn   | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7524839230 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN ĐÌNH TOÀN                         | 0871004245315 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272291599                     |
| 169 | Trần Viết Sinh     | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 7511179270 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN VIỆT SINH                           | 0201000571465 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 183638598                     |
| 170 | Hà Đức Bình        | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 6623672510 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HÀ ĐỨC BÌNH                              | 0121000894037 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 241713290                     |
| 171 | Nguyễn Văn Ngọc    | Son                             | Không xác định thời hạn | 2422376063 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN NGỌC                          | 0481000884017 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 121581868                     |
| 172 | Nguyễn Chính Nghĩa | Khuôn Mẫu                       | Không xác định thời hạn | 7526908859 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN CHÍNH NGHĨA                       | 0121000894049 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272756697                     |
| 173 | Phạm Hồng Sơn      | Hàn                             | Không xác định thời hạn | 4216713593 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM HỒNG SON                            | 0121000896584 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 184393614                     |
| 174 | Đặng Trung Kiên    | Quản lý sản xuất-1              | Không xác định thời hạn | 7526760483 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐẶNG TRUNG KIẾN                          | 0121000826165 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272799300                     |
| 175 | Hoàng Văn Hải      | Công Vụ                         | Không xác định thời hạn | 3822672422 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HOÀNG VĂN HẢI                            | 0871004249332 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 038093004303                  |

| TT  | Họ và tên                | Phòng, ban,<br>phân xưởng<br>làm việc | Loại hợp<br>đồng lao động  | Mã số<br>BHXH | Thời gian tạm hoãn<br>HDLĐ/ngỉ không lương |                       | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                 | Số<br>CMND/thẻ<br>căn cước<br>công dân |
|-----|--------------------------|---------------------------------------|----------------------------|---------------|--------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|
|     |                          |                                       |                            |               | Từ ngày<br>tháng năm                       | Đến ngày<br>tháng năm |                               | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                       |                                        |
| 176 | Phạm Công Long           | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 4016383823    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | PHẠM CÔNG<br>LONG                        | 0121000897514 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 187824909                              |
| 177 | Nguyễn Văn Thiện         | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 8621716946    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VĂN<br>THIỆN                      | 0121000897522 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 331641727                              |
| 178 | Đặng Văn Thọ             | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7526430148    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐẶNG VĂN THỌ                             | 0871004241331 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 131465753                              |
| 179 | Trần Thị Hồng            | Đúc Sáp                               | Không xác<br>định thời hạn | 7512040161    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN THỊ HỒNG                            | 0121000672724 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272534350                              |
| 180 | Đặng Ngọc Hiệp           | Tổng Vụ-2                             | Không xác<br>định thời hạn | 9122344367    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐẶNG NGỌC<br>HIỆP                        | 0091000672024 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 371996229                              |
| 181 | Hà Thiện Trí             | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7516007396    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | HÀ THIÊN TRÍ                             | 0121000807270 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 352202237                              |
| 182 | Nguyễn Trần Huy<br>Hoàng | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 7526425359    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN TRẦN<br>HUY HOÀNG                 | 0001013494835 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272957141                              |
| 183 | Nguyễn Văn Phúc          | Gia Công<br>CNC-2                     | Xác định thời<br>hạn       | 7509134253    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VĂN<br>PHÚC                       | 0121002534953 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 186759823                              |
| 184 | Trần Quốc Hào            | Dập-1                                 | Không xác<br>định thời hạn | 7509009209    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN QUỐC HẢO                            | 0001012737303 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 164497478                              |
| 185 | Lê Quốc Công             | Hàn                                   | Không xác<br>định thời hạn | 9423303982    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LÊ QUỐC CÔNG                             | 0281000379291 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 365857620                              |
| 186 | Huỳnh Ngọc Trường        | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn       | 7516048691    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | HUỲNH NGỌC<br>TRƯỜNG                     | 0121000803421 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 264527755                              |
| 187 | Trần Thanh Tâm           | Dập-2                                 | Không xác<br>định thời hạn | 8723803808    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN THANH<br>TÂM                        | 0121000842434 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 341526842                              |

| TT  | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|-----------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|     |                       |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 188 | Lê Hữu Thắng          | Kiểm soát chất lượng            | Xác định thời hạn       | 8724055340 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ HỮU THẮNG                             | 0121000873324 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 342019084                     |
| 189 | Nguyễn Thanh Hiếu     | Dập-1                           | Không xác định thời hạn | 7512019712 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN THANH HIẾU                        | 0121000682629 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 225387833                     |
| 190 | Lý Văn Luận           | Dập-2                           | Xác định thời hạn       | 7508122063 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÝ VĂN LUẬN                              | 0121000620403 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 060864579                     |
| 191 | Phạm Văn Dồi          | Hàn                             | Xác định thời hạn       | 8925706767 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM VĂN DÔI                             | 0001012741033 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 351745001                     |
| 192 | Phạm Quang Lâm        | Hàn                             | Xác định thời hạn       | 9122185793 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM QUANG LÂM                           | 0121000844405 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 371745110                     |
| 193 | Phạm Nguyễn Đông Anh  | Sơn                             | Xác định thời hạn       | 7526314187 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM NGUYỄN ĐÔNG ANH                     | 0481000758370 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 271876830                     |
| 194 | Tạ Quang Thuận        | Nghiên Cứu và Thiết Kế Sản Phẩm | Xác định thời hạn       | 7523627799 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TẠ QUANG THUẬN                           | 0001013154439 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272764505                     |
| 195 | Nguyễn Đình Thắng     | Dập-2                           | Xác định thời hạn       | 4025244988 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN ĐÌNH THẮNG                        | 0591000316852 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 187646997                     |
| 196 | Hồ Toàn Duy           | Quản Lý Thiết Bị-2              | Xác định thời hạn       | 4520193175 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HỒ TOÀN DUY                              | 0001013165570 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 197390077                     |
| 197 | Trần Quang Thái       | Nghiên Cứu và Thiết Kế Sản Phẩm | Xác định thời hạn       | 7523960898 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN QUANG THÁI                          | 0001015369150 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272757334                     |
| 198 | Đoàn Nguyễn Phi Hoàng | Hàn                             | Xác định thời hạn       | 7516213099 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐOÀN NGUYỄN PHI HOÀNG                    | 0001016229102 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 079087007293                  |
| 199 | Tô Thị Ngọc Quyên     | Hàn                             | Xác định thời hạn       | 7510159664 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TÔ THỊ NGỌC QUYÊN                        | 0481000872545 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 352015842                     |

| TT  | Họ và tên        | Phòng, ban,<br>phân xưởng<br>làm việc | Loại hợp<br>đồng lao động | Mã số<br>BHXH | Thời gian tạm hoãn<br>HDLĐ/ngỉ không lương |                       | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                 | Số<br>CMND/thẻ<br>căn cước<br>công dân |
|-----|------------------|---------------------------------------|---------------------------|---------------|--------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|
|     |                  |                                       |                           |               | Từ ngày<br>tháng năm                       | Đến ngày<br>tháng năm |                               | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                       |                                        |
| 200 | Lương Đức Tài    | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn      | 7526457278    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LƯƠNG ĐỨC TÀI                            | 0121000897770 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272857201                              |
| 201 | Phạm Đức Hiếu    | Khuôn Mẫu                             | Xác định thời<br>hạn      | 7524738313    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | PHẠM ĐỨC HIẾU                            | 0001016470074 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272886813                              |
| 202 | Đình Kim Long    | Khuôn Mẫu                             | Xác định thời<br>hạn      | 5420290345    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐÌNH KIM LONG                            | 1016022220    | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 221416804                              |
| 203 | Nguyễn Hoàng An  | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn      | 8723232539    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN HOÀNG<br>AN                       | 0001016659332 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 341972855                              |
| 204 | Nguyễn Hồng Phúc | Nghiên Cứu<br>và Thiết Kế<br>Sân Phẩm | Xác định thời<br>hạn      | 7526621977    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN HỒNG<br>PHÚC                      | 0001016658161 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272661697                              |
| 205 | Phùng Thị Xuân   | Kiểm soát<br>chất lượng               | Xác định thời<br>hạn      | 4707179450    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | PHÙNG THỊ<br>XUÂN                        | 0121001466030 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 271770738                              |
| 206 | Lê Văn Nam       | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn      | 8723936627    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LÊ VĂN NAM                               | 0001017043069 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 341793390                              |
| 207 | Nguyễn Đình Thi  | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn      | 7514042447    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN ĐÌNH<br>THI                       | 0121000734910 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 171879285                              |
| 208 | Nguyễn Danh Hòa  | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn      | 7510100001    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN DANH<br>HÒA                       | 0121000633766 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272369526                              |
| 209 | Nguyễn Văn Phúc  | Kiểm soát<br>chất lượng               | Xác định thời<br>hạn      | 8723076803    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VĂN<br>PHÚC                       | 0001017137963 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 342031095                              |
| 210 | Nguyễn Chí Vũ    | Dập-2                                 | Xác định thời<br>hạn      | 7410058147    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN CHÍ VŨ                            | 0001017036301 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 351902490                              |
| 211 | Lê Văn Hòa       | Khuôn Mẫu                             | Xác định thời<br>hạn      | 5220774321    | 06/08/2021                                 | 15/09/2021            | 1.000.000                     | LÊ VĂN HÒA                               | 0001017035609 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 215470616                              |

| TT  | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|--------------------|---------------------------------|------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|     |                    |                                 |                        |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 212 | Lâm Hải Đăng       | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 9522095703 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÂM HẢI ĐĂNG                             | 0501000202457 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 385729797                     |
| 213 | Huỳnh Thị Nhi      | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 7516078146 | 15/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HUYỀNH THỊ NHI                           | 0121000835220 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 381574330                     |
| 214 | Trương Văn Quyết   | Dập-2                           | Xác định thời hạn      | 4420151315 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRƯƠNG VĂN QUYẾT                         | 0081001238832 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 194233115                     |
| 215 | Huỳnh Thị Hạnh     | Lắp Ráp                         | Xác định thời hạn      | 9622979518 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HUYỀNH THỊ HẠNH                          | 0281000318869 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 381574711                     |
| 216 | Nguyễn Sỹ Ngọc     | Quản Lý Thiết Bị-2              | Xác định thời hạn      | 7515053255 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN SỸ NGỌC                           | 0121002466329 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272353555                     |
| 217 | Phan Hoài Thương   | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 9621619791 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHAN HOÀI THƯƠNG                         | 0001017823854 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 381950518                     |
| 218 | Nguyễn Công Thiết  | Dập-2                           | Xác định thời hạn      | 6622692405 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN CÔNG THIẾT                        | 0001017828946 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 241249258                     |
| 219 | Hoàng Quang Hưng   | Cắt                             | Xác định thời hạn      | 3620568657 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HOÀNG QUANG HƯNG                         | 1014039427    | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 163420589                     |
| 220 | Phạm Anh Tú        | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 3621418431 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM ANH TÚ                              | 0001017826299 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 036202007339                  |
| 221 | Lê Thanh Tuấn      | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 7523397050 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ THANH TUẤN                            | 0001018068908 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 352649308                     |
| 222 | Đoàn Văn Mẫn       | Dập-2                           | Xác định thời hạn      | 8622397538 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐOÀN VĂN MÃN                             | 0001018871276 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 331872735                     |
| 223 | Huỳnh Thị Thu Thúy | Kiểm soát chất lượng            | Xác định thời hạn      | 8723391230 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HUYỀNH THỊ THU THÚY                      | 0001015062611 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 341026583                     |

| TT  | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           |              | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|--------------------|---------------------------------|------------------------|------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------|-------------------------------|
|     |                    |                                 |                        |            | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |              |                               |
| 224 | Trần Thị Thắm      | Gia Công CNC-1                  | Xác định thời hạn      | 7511004239 | 10/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN THỊ THẨM                            | 0121000683353 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 184468969    |                               |
| 225 | Nguyễn Thị Thu     | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 6822839810 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN THỊ THU                           | 0001019502953 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 038302000939 |                               |
| 226 | Mai Thị Yến Nhi    | Kiểm soát chất lượng            | Xác định thời hạn      | 8925294664 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | MAI THỊ YẾN NHI                          | 0001012454908 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 352503584    |                               |
| 227 | Nguyễn Ngọc Hạnh   | Kiểm soát chất lượng            | Xác định thời hạn      | 9622420553 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN NGỌC HẠNH                         | 0001015420992 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 381770405    |                               |
| 228 | Trần Đình Tiến     | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 4217351572 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN ĐÌNH TIẾN                           | 1020244116    | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 184337993    |                               |
| 229 | Hoàng Đình Thế     | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 7416145398 | 15/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HOÀNG ĐÌNH THẾ                           | 0411001038034 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 044092003208 |                               |
| 230 | Lê Văn Đức         | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 7511197566 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ VĂN ĐỨC                               | 1015347051    | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 371492449    |                               |
| 231 | Phạm Nhật Duy      | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 9622074438 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM NHẬT DUY                            | 0001019503936 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 381977106    |                               |
| 232 | Phan Hồng Xuân Quy | Lắp Ráp                         | Xác định thời hạn      | 7916228754 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHAN HỒNG XUÂN QUY                       | 0331000459662 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 231026685    |                               |
| 233 | Nguyễn Văn Thủy    | Dập-2                           | Xác định thời hạn      | 7516213072 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN THỦY                          | 0501000002311 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 164393004    |                               |
| 234 | Hồ Phước Vĩnh      | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 8925693315 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | HỒ PHƯỚC VĨNH                            | 0871004252778 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 352551778    |                               |
| 235 | Cù Xuân Thắng      | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 4017043457 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | CÙ XUÂN THẮNG                            | 0001019510332 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 187754035    |                               |



| TT  | Họ và tên                | Phòng, ban,<br>phân xưởng<br>làm việc | Loại hợp<br>đồng lao động | Mã số<br>BHXH | Thời gian tạm hoãn<br>HDLĐ/người không lương |                       | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                 | Số<br>CMND/thẻ<br>căn cước<br>công dân |
|-----|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------|---------------|----------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|
|     |                          |                                       |                           |               | Từ ngày<br>tháng năm                         | Đến ngày<br>tháng năm |                               | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                       |                                        |
| 236 | Võ Văn Sơn               | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn      | 9124026726    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | VÕ VĂN SƠN                               | 1014789194    | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 371904390                              |
| 237 | Ngô Huy Cận              | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn      | 7516064748    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGÔ HUY CẬN                              | 0001019655695 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 312384479                              |
| 238 | Nguyễn Huỳnh Phương      | Kiểm soát<br>chất lượng               | Xác định thời<br>hạn      | 8721992561    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN HUỲNH<br>PHƯƠNG                   | 0121000875529 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 341877503                              |
| 239 | Nguyễn Huy Hoàng         | Kỹ Thuật                              | Xác định thời<br>hạn      | 7424851936    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN HUY<br>HOÀNG                      | 0001019633578 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 281162691                              |
| 240 | Phạm Hà Phan             | Kỹ Thuật<br>Xưởng                     | Xác định thời<br>hạn      | 7523022766    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | PHẠM HÀ PHAN                             | 0001013123490 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272624517                              |
| 241 | Trần Văn Thắm            | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn      | 9621993112    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN VĂN<br>THẨM                         | 0121000796293 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 381867029                              |
| 242 | Phạm Hải Long            | Quản lý sản<br>xuất-2                 | Xác định thời<br>hạn      | 7526577679    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | PHẠM HẢI LONG                            | 0871004229065 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272769289                              |
| 243 | Trương Quốc Tài          | Son                                   | Xác định thời<br>hạn      | 8222330164    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRƯƠNG QUỐC<br>TÀI                       | 0001019648446 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 312327783                              |
| 244 | Hà Vĩnh Phú              | Lắp Ráp                               | Xác định thời<br>hạn      | 9622120473    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | HÀ VĨNH PHÚ                              | 0191000382224 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 382006739                              |
| 245 | Bùi Văn Lương            | Lắp Ráp                               | Xác định thời<br>hạn      | 8723907869    | 11/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | BÙI VĂN LƯƠNG                            | 0001013411823 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 342046145                              |
| 246 | Nguyễn Hoàng Đức<br>Công | Kiểm soát<br>chất lượng               | Xác định thời<br>hạn      | 7524813066    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN HOÀNG<br>ĐỨC CÔNG                 | 0001019645445 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272747511                              |
| 247 | Đinh Hữu Thoan           | Dập-2                                 | Xác định thời<br>hạn      | 4420122671    | 06/08/2021                                   | 15/09/2021            | 1.000.000                     | ĐINH HỮU<br>THOAN                        | 1019826663    | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 044083001173                           |

| TT  | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|-------------------|---------------------------------|------------------------|------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|     |                   |                                 |                        |            | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                               |
| 248 | Bùi Ngọc Bảo      | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 4216966182 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | BÙI NGOC BẢO                             | 0351001139268 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 184055738                     |
| 249 | Nguyễn Văn Khanh  | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 3821531484 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN KHANH                         | 0001021520926 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 175073682                     |
| 250 | Vũ Anh Hiếu       | Nghiên Cứu và Thiết Kế Sản Phẩm | Xác định thời hạn      | 7526941350 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | VŨ ANH HIẾU                              | 0121000874960 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272598671                     |
| 251 | Đinh Văn Quảng    | Dập-1                           | Xác định thời hạn      | 4420158489 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐINH VĂN QUẢNG                           | 1019839811    | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 044096002573                  |
| 252 | La Văn Lung       | Dập-1                           | Xác định thời hạn      | 7511091026 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LA VĂN LUNG                              | 0121000651430 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 385455206                     |
| 253 | Nguyễn Văn Dũng   | Kiểm soát chất lượng            | Xác định thời hạn      | 4520669672 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN VĂN DŨNG                          | 1019831542    | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 241624678                     |
| 254 | Nguyễn Hiệp Thành | Gia Công CNC-2                  | Xác định thời hạn      | 7513021843 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN HIỆP THÀNH                        | 0121000690904 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272568860                     |
| 255 | Nguyễn Đức Toàn   | Gia Công CNC-2                  | Xác định thời hạn      | 4217202202 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN ĐỨC TOÀN                          | 0121000873201 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 184367568                     |
| 256 | Dương Văn Trường  | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 7526574043 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | DƯƠNG VĂN TRƯỜNG                         | 0001019968594 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272746806                     |
| 257 | Bùi Vũ Phúc       | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 7516022026 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | BÙI VŨ PHÚC                              | 0871004244920 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 351977307                     |
| 258 | Phạm Văn Tỉnh     | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 3821187186 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHẠM VĂN TỈNH                            | 0001020963436 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 173293266                     |
| 259 | Nguyễn Đình Phong | Thiết Kế                        | Xác định thời hạn      | 7525078557 | 06/08/2021                              | 15/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |               |                                           | 272527865                     |



| TT  | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/hệ căn cước công dân |
|-----|-------------------|---------------------------------|------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|------------------------------|
|     |                   |                                 |                        |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                              |
| 260 | Ngô Đình Công     | Lắp Ráp                         | Xác định thời hạn      | 3622503594 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGÔ ĐÌNH CÔNG                            | 0001019969364 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 036096003229                 |
| 261 | Đặng Ngọc Tòan    | Kiểm soát chất lượng            | Xác định thời hạn      | 7524922343 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐẶNG NGỌC TOÀN                           | 0001019968488 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272946487                    |
| 262 | Trần Bửu Linh     | Kỹ Thuật                        | Xác định thời hạn      | 5220683595 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN BỬU LINH                            | 0001018168225 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 215442534                    |
| 263 | Cao Hữu Nghị      | Cắt                             | Xác định thời hạn      | 7515035751 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | CAO HỮU NGHỊ                             | 0001017866967 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 352320511                    |
| 264 | Vũ Minh Nhật      | Dập-1                           | Xác định thời hạn      | 7524910169 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | VŨ MINH NHẬT                             | 0871004243935 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272803043                    |
| 265 | Vũ Đức Hậu        | Gia Công CNC-2                  | Xác định thời hạn      | 7524785856 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | VŨ ĐỨC HẬU                               | 1020142635    | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 272886194                    |
| 266 | Nguyễn Quốc Khánh | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 6624492661 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN QUỐC KHÁNH                        | 1020141409    | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 241301645                    |
| 267 | Phan Trung Hậu    | Cắt                             | Xác định thời hạn      | 9521694377 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHAN TRUNG HẬU                           | 0481000843511 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 385638707                    |
| 268 | Nguyễn Tuấn Nhân  | Dập-1                           | Xác định thời hạn      | 7513048298 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYỄN TUẤN NHÂN                         | 0001013044705 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 285053949                    |
| 269 | Trần Anh Tuấn     | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 4420160822 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN ANH TUẤN                            | 1020142874    | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 044200003045                 |
| 270 | Hồ Chí Đại        | Cắt                             | Xác định thời hạn      | 7934499042 | 15/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |               |                                           | 352245981                    |
| 271 | Phan Thế Hào      | Dập-1                           | Xác định thời hạn      | 8923281736 | 06/08/2021                                | 15/09/2021         | 1.000.000                  | PHAN THẾ HẢO                             | 0001015733676 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 352530794                    |

| TT  | Họ và tên        | Phòng, ban,<br>phần xưởng<br>làm việc | Loại hợp<br>đồng lao động | Mã số<br>BHXH | Thời gian tạm hoãn<br>HDLĐ/nghi không lương |                       | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                 | Số<br>CMND/thẻ<br>căn cước<br>công dân |
|-----|------------------|---------------------------------------|---------------------------|---------------|---------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|
|     |                  |                                       |                           |               | Từ ngày<br>tháng năm                        | Đến ngày<br>tháng năm |                               | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                       |                                        |
| 272 | Trương Văn Thành | Dập-2                                 | Xác định thời<br>hạn      | 7513060118    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRƯỜNG VĂN<br>THÀNH                      | 0001013164142 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 187014298                              |
| 273 | Vũ Duy Tân       | Quản lý sản<br>xuất-2                 | Xác định thời<br>hạn      | 7524818723    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | VŨ DUY TÂN                               | 1020142168    | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272636754                              |
| 274 | Nguyễn Văn Đạt   | Dập-2                                 | Xác định thời<br>hạn      | 3621828444    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VĂN<br>ĐẠT                        | 1020141917    | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 036099002512                           |
| 275 | Nguyễn Văn Tấn   | Gia Công<br>CNC-1                     | Xác định thời<br>hạn      | 8923606640    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VĂN<br>TẤN                        | 0001020377045 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai |                                        |
| 276 | Ngô Chí Nguyễn   | Gia Công<br>CNC-1                     | Xác định thời<br>hạn      | 9622461563    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     |                                          |               |                                                 | 381960140                              |
| 277 | Nguyễn Chí Hợp   | Gia Công<br>CNC-2                     | Xác định thời<br>hạn      | 4220524852    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN CHÍ<br>HỢP                        | 0001019543337 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 184411878                              |
| 278 | Nguyễn Vũ Bay    | Dập-1                                 | Xác định thời<br>hạn      | 5820268602    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN VŨ BAY                            | 0001020376885 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 264527680                              |
| 279 | Dương Văn Thương | Đúc Sáp                               | Xác định thời<br>hạn      | 9422425275    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | DƯƠNG VĂN<br>THƯƠNG                      | 0001017147813 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 365905580                              |
| 280 | Trần Văn Thảo    | Khuôn Mẫu                             | Xác định thời<br>hạn      | 7524252280    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN VĂN THẢO                            | 0401001452047 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 272572799                              |
| 281 | Nguyễn Văn Bình  | Dập-2                                 | Xác định thời<br>hạn      | 7908304102    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     |                                          |               |                                                 | 186500648                              |
| 282 | Nguyễn Văn Đạt   | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn      | 7515058770    | 15/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     |                                          |               |                                                 | 017410261                              |
| 283 | Nguyễn Trọng Hậu | Hàn                                   | Xác định thời<br>hạn      | 4017581869    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | NGUYỄN TRỌNG<br>HẬU                      | 0001020728991 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 187391510                              |
| 284 | Trần Văn Lịch    | Dập-2                                 | Xác định thời<br>hạn      | 4017594189    | 06/08/2021                                  | 15/09/2021            | 1.000.000                     | TRẦN VĂN LỊCH                            | 0001021134389 | NH TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam<br>CN Đồng Nai | 187162765                              |



| TT     | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                           | Số CMND/hệ căn cước công dân |
|--------|---------------------|---------------------------------|------------------------|------------|------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|------------------------------|
|        |                     |                                 |                        |            | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                 |                              |
| 285    | Lang Văn Tuyển      | Dập-2                           | Xác định thời hạn      | 4017651613 | 01/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LANG VĂN TUYẾN                           | 0001021134759 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 187056968                    |
| 286    | Trần Hiếu Đang      | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 7514069937 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | TRẦN HIẾU ĐANG                           | 0191000345234 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 381824568                    |
| 287    | Lê Thị Tình         | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 4018349423 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ THỊ TÌNH                              | 0001021142526 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 187852953                    |
| 288    | Lê Nguyễn Đức Khiêm | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 6021124137 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | LÊ NGUYỄN ĐỨC KHIÊM                      | 0121000869604 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 261602910                    |
| 289    | Ngô Văn Lít         | Hàn                             | Xác định thời hạn      | 9122021880 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | NGÔ VĂN LÍT                              | 0001021139544 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 372058172                    |
| 290    | Cao Trung Nghĩa     | Khuôn Mẫu                       | Xác định thời hạn      | 4520502027 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |               |                                           | 197309063                    |
| 291    | Vô Chí Nguyễn       | Dập-2                           | Xác định thời hạn      | 9122858822 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  |                                          |               |                                           | 371937076                    |
| 292    | Đinh Tiến Cường     | Dập-2                           | Xác định thời hạn      | 7514181548 | 06/08/2021                               | 15/09/2021         | 1.000.000                  | ĐINH TIẾN CƯỜNG                          | 0041000345420 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đồng Nai | 044096002204                 |
| CỘNG I |                     |                                 |                        |            |                                          |                    | 292.000.000                |                                          |               |                                           |                              |

Tổng số tiền hỗ trợ là: 292.000.000 đồng  
(Hai trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID -19  
CỦA CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI II

(Kèm theo Quyết định số 8720/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                                                                                                | Họ và tên        | Phòng, ban, phần<br>xưởng làm việc | Loại hợp đồng<br>lao động             | Mã số BHXH                           | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ<br>không lương |                                                          | Số tiền hỗ trợ<br>(đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                         |                            | Số CMND/thẻ<br>căn cước công<br>dân |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------------------------|
|                                                                                                                   |                  |                                    |                                       |                                      | Từ ngày tháng<br>năm                        | Đến ngày tháng<br>năm                                    |                               | Tên TK                                   | Số TK                   | Ngân hàng                  |                                     |
| I                                                                                                                 | Đinh Thị Mỹ Hoàn | Phòng Gà                           | Không xác<br>định thời hạn            | 8012006935                           | 26/07/2021                                  | 31/08/2021                                               | 1.000.000                     | Đinh Thị Mỹ<br>Hoàn                      | 100006154355            | Vietinbank - CN Long<br>An | 044192002731                        |
| 2                                                                                                                 | Lê Thị Duyên     | Phòng Gà                           | Không xác<br>định thời hạn            | 8013003921                           | 26/07/2021                                  | 31/08/2021                                               | 1.000.000                     | Lê Thị Duyên                             | 108869584740            | Vietinbank - CN Long<br>An | 272947551                           |
| CỘNG I                                                                                                            |                  |                                    |                                       |                                      |                                             |                                                          | 2.000.000                     |                                          |                         |                            |                                     |
| II. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi |                  |                                    |                                       |                                      |                                             |                                                          |                               |                                          |                         |                            |                                     |
| TT                                                                                                                | Họ và tên        | Thứ tự tại mục I                   | Thông tin về con và vợ hoặc chồng     |                                      |                                             |                                                          | Số tiền hỗ trợ                | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                         |                            | Số CMNT/thẻ<br>căn cước công<br>dân |
|                                                                                                                   |                  |                                    | Họ và tên trẻ<br>em chưa đủ 6<br>tuổi | Ngày tháng<br>năm sinh của<br>trẻ em | Họ và tên vợ<br>hoặc chồng ở<br>cột 2       | Số CMNT/thẻ<br>căn cước công<br>dân của vợ<br>hoặc chồng |                               | Tên TK                                   | Số TK                   | Ngân hàng                  |                                     |
| 1                                                                                                                 | Đinh Thị Mỹ Hoàn | 1                                  | Phan Đức<br>Thịnh                     | 29/06/2020                           | Phan Văn Hưng                               | 044082001853                                             | 1.000.000                     | 100006154355                             | Vietinbank - CN Long An | 044192002731               | 044192002731                        |
| 2                                                                                                                 | Lê Thị Duyên     | 2                                  | Nguyễn Lê Ánh<br>Thư                  | 01/03/2017                           | Nguyễn Văn<br>Chương                        | 272947552                                                | 1.000.000                     | 108869584740                             | Vietinbank - CN Long An | 272947551                  | 272947551                           |
|                                                                                                                   |                  | 2                                  | Nguyễn Lê Yên<br>Nhi                  | 27/09/2020                           | Nguyễn Văn<br>Chương                        | 272947552                                                | 1.000.000                     | 108869584740                             | Vietinbank - CN Long An | 272947551                  | 272947551                           |
| CỘNG III                                                                                                          |                  |                                    |                                       |                                      |                                             |                                                          | 3.000.000                     |                                          |                         |                            |                                     |
| TỔNG CỘNG (I + II)                                                                                                |                  |                                    |                                       |                                      |                                             |                                                          | 5.000.000                     |                                          |                         |                            |                                     |

Tổng số tiền hỗ trợ là: 5.000.000 đồng  
(Năm triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19  
CỦA CÔNG TY TNHH ELENSYS TP.HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 3720 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                  | Họ và tên                | Phòng, ban, phần xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Mã số BHXH | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không lương |                    | Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng) | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |              |                            | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------------------|--------------|----------------------------|-------------------------------|
|                                     |                          |                                 |                         |            | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                            | Tên TK                                   | Số TK        | Ngân hàng                  |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc |                          |                                 |                         |            |                                           |                    |                            |                                          |              |                            |                               |
| 1                                   | LÊ TÂN LỰC               | Nhân viên giao hàng             | Xác định thời hạn       | 7911402722 | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 1.000.000                  | LE TAN LUC                               | 103873037279 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272027597                     |
| 2                                   | NGUYỄN ĐỨC TUYÊN         | HCNS                            | Không xác định thời hạn | 4706032093 | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYEN DUC TUYEN                         | 100867068722 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 271499259                     |
| 3                                   | ĐANG QUANG THI           | Thu mua                         | Xác định thời hạn       | 7514023951 | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 1.000.000                  | DANG QUANG THI                           | 104867066542 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 230814263                     |
| 4                                   | NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU     | Thu mua                         | Xác định thời hạn       | 7515029249 | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYEN THI NGOC CHAU                     | 106871667697 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272920012                     |
| 5                                   | NGUYỄN THỊ BÍCH THUY     | QC                              | Xác định thời hạn       | 7514173266 | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYEN THI BICH THUY                     | 107871464028 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272216018                     |
| 6                                   | LÝ DUONG QUỐC            | Kinh Doanh                      | Xác định thời hạn       | 7515013376 | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 1.000.000                  | LE THI ANH TUYET                         | 109869437965 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 371550446                     |
| 7                                   | LÊ THỊ ÁNH TUYẾT         | Lắp ráp                         | Không xác định thời hạn | 4707010715 | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 1.000.000                  | LY DUONG QUOC                            | 102867161258 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 271451449                     |
| 8                                   | NGUYỄN HUỖNH PHƯƠNG TRÚC | Lắp ráp                         | Xác định thời hạn       | 9521068337 | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 1.000.000                  | NGUYEN HUYNH PHUONG TRUC                 | 104872558864 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 385910116                     |

|    |                      |         |                         |            |            |            |           |                      |              |                            |              |
|----|----------------------|---------|-------------------------|------------|------------|------------|-----------|----------------------|--------------|----------------------------|--------------|
| 9  | THÂN THỊ TRÚC        | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 5420269268 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | THÂN THỊ TRÚC        | 108873015966 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 221544405    |
| 10 | TRẦN THỊ HIỀN        | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7508215573 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRẦN THỊ HIỀN        | 106873015971 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 187007169    |
| 11 | NGUYỄN THÔNG CUONG   | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7524218761 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYỄN THÔNG CUONG   | 100872856027 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272632931    |
| 12 | NGUYỄN THỊ NGÂN      | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7514017330 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYỄN THỊ NGÂN      | 100868342163 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272028876    |
| 13 | ĐỒNG THỊ BÍCH VÂN    | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7524962296 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | DONG THỊ BICH VAN    | 109872669733 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272695612    |
| 14 | HOÀNG THỊ DIỆU       | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 4420719470 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | HOANG THỊ DIỆU       | 106873015956 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 044301003433 |
| 15 | HÀ THỊ SAO           | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 3820834874 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | HA THỊ SAO           | 101873030375 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 174888537    |
| 16 | TRƯỜNG THỊ THÊM      | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7514155319 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRUONG THỊ THÊM      | 108873015981 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 251028135    |
| 17 | PHÙNG VĂN HIỆU       | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7422808358 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | PHUNG VAN HIEU       | 109872766609 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 364158678    |
| 18 | PHÙNG NGUYỄN BẢO YẾN | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7524975456 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | PHUNG NGUYEN BAO YEN | 105872578077 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272886118    |
| 19 | LÊ THỊ KIM DUNG      | Lắp ráp | Không xác định thời hạn | 4704030932 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | LE THỊ KIM DUNG      | 105866967324 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272858598    |
| 20 | NGUYỄN THỊ THÚY      | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7516024495 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYỄN THỊ THÚY      | 103870011113 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 264346005    |
| 21 | VÕ MINH TIẾN         | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 9522136305 | 01/08/2021 | 31/08/2021 | 1.000.000 | VO MINH TIEN         | 107871104543 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 385822864    |
| 22 | NGUYỄN KIM ANH       | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7509076173 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYỄN KIM ANH       | 108871467185 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 271597641    |
| 23 | LÂM THỊ THẢO HIỀN    | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 9123037804 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | LAM THỊ THẢO HIỀN    | 107872578075 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 372067636    |
| 24 | HUỖNH THỊ LÊ         | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7514008771 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | HUYNH THỊ LÊ         | 100868968392 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 385461969    |

|    |                      |         |                   |             |            |            |           |                      |              |                            |           |
|----|----------------------|---------|-------------------|-------------|------------|------------|-----------|----------------------|--------------|----------------------------|-----------|
| 25 | PHẠM THỊ MỸ CHÂU     | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 9124019272  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | PHẠM THỊ MỸ CHÂU     | 100873015940 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 371401788 |
| 26 | PHẠM THỊ THUY        | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 9122400394  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | PHẠM THỊ THUY        | 109873015941 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 371460820 |
| 27 | ĐỖ LIÊN HÒI          | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 6422048807  | 01/08/2021 | 31/8/2021  | 1.000.000 | DO LIEN HOI          | 105873015945 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 231349642 |
| 28 | ĐÔNG THỊ THANH THUY  | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 6423052518  | 01/08/2021 | 31/8/2021  | 1.000.000 | DONG THI THANH THUY  | 104873015946 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 231400695 |
| 29 | TRUONG LÊ MỸ KIEU    | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 6423031086  | 01/08/2021 | 31/8/2021  | 1.000.000 | TRUONG LE MY KIEU    | 109873015978 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 231480071 |
| 30 | NGUYỄN VĂN HẬU       | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7525791273  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN VAN HAU       | 103867616721 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272898588 |
| 31 | NGUYỄN MINH PHUONG   | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7515023432  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN MINH PHUONG   | 101872987068 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 341896650 |
| 32 | TRẦN THỊ HAI VÂN     | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7508102199  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRAN THI HAI VAN     | 104002050024 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 194392747 |
| 33 | TRẦN THỊ Ý THO       | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 4707080051  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRAN THI Y THO       | 106867276898 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 260961054 |
| 34 | HUYỀN THỊ HUYNH TRẦN | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7526926010  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | HUYNH THI HUYNH TRAN | 108873015939 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 364148982 |
| 35 | LÊ THỊ HÀ GIANG      | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7512041374  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | LE THI HA GIANG      | 101868189049 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 197305229 |
| 36 | NGUYỄN THỊ TUYẾT     | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7410264403  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN THI TUYET     | 103867378818 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272776796 |
| 37 | NGUYỄN THỊ ĐÀO       | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 75111106040 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN THI DAO       | 105868189072 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 221241771 |
| 38 | ĐINH VĂN QUÂN        | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 4017392672  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | DINH VAN QUAN        | 106873015968 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 187688986 |
| 39 | ĐẶNG HÙNG PHUONG     | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7509094370  | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | DANG HUNG PHUONG     | 105873019498 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 271513503 |

|    |                     |         |                         |            |            |            |           |                     |              |                            |           |
|----|---------------------|---------|-------------------------|------------|------------|------------|-----------|---------------------|--------------|----------------------------|-----------|
| 40 | PHAN THỊ BÍCH       | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7412139380 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | PHAN THỊ BÍCH       | 109873015938 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 184015855 |
| 41 | ĐÀM THỊ THANH       | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 6422612216 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | DAM THỊ THANH       | 106873164027 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 231452061 |
| 42 | NGUYỄN VĂN ĐỊNH     | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 2422429030 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN VAN DINH     | 105873164043 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 122231860 |
| 43 | NGUYỄN VĂN BÌNH     | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7526694540 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN VAN BINH     | 109872856030 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 271635860 |
| 44 | LAI THỊ KIM LOAN    | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7523703150 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | LAI THỊ KIM LOAN    | 102867276880 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272094378 |
| 45 | NGUYỄN THỊ NGỌC MAI | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7510122012 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN THI NGOC MAI | 105868189069 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272153428 |
| 46 | DIỆC THÚY HUỆ       | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 4706067331 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | DIEC THUY HUE       | 103869962712 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 271772486 |
| 47 | NGUYỄN THỊ HUỆ      | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7516209878 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN THI HUE      | 101873015936 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 205075349 |
| 48 | ĐẶNG THỊ CẨM LOAN   | Ép nhựa | Không xác định thời hạn | 7516202343 | 01/08/2021 | 31/8/2021  | 1.000.000 | DANG THI CAM LOAN   | 104867068698 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 341188148 |
| 49 | TRẦN VINH ANH       | Ép nhựa | Không xác định thời hạn | 7516112123 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRAN VINH ANH       | 108868911351 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272000416 |
| 50 | ĐỖ THỊ TRÂM         | Ép nhựa | Không xác định thời hạn | 7516114373 | 01/08/2021 | 31/8/2021  | 1.000.000 | DO THI TRAM         | 105003718335 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272695884 |
| 51 | LÒ THỊ NGỌC         | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 4017516229 | 01/08/2021 | 31/8/2021  | 1.000.000 | LO THI NGOC         | 108869666304 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 187307286 |
| 52 | TẠ VĂN ĐỨC          | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 7510156617 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TA VAN DUC          | 102870244436 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 261227967 |
| 53 | NGUYỄN KỶ DUYỀN     | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 7527011073 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN KY DUYEN     | 105870453493 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272891728 |
| 54 | HUỖNH DỪA           | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 7512059987 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | HUYNH DUA           | 106872234737 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 334711834 |

|    |                           |         |                         |            |            |            |           |                           |              |                            |           |
|----|---------------------------|---------|-------------------------|------------|------------|------------|-----------|---------------------------|--------------|----------------------------|-----------|
| 55 | NGUYỄN THỊ TÙNG           | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 7512026060 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN THI TUNG           | 100869827480 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 173044329 |
| 56 | NGUYỄN VĂN CỘP            | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 9123967473 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN VAN COP            | 101872856026 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 371916106 |
| 57 | LÊ VĂN HIẾU               | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 5421094711 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | LE VAN HIEU               | 106872234740 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 221185190 |
| 58 | TRIỆU THỊ YẾN             | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 7515053139 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRIEU THI YEN             | 109872856028 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 230717857 |
| 59 | NGUYỄN KIỀU DIỄM KHÁNH LY | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 7524814614 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN KIEU DIEM KHANH LY | 104873016126 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272886633 |
| 60 | KIM THỊ ANH               | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 7416146420 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | KIM THI ANH               | 100873027870 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 381883769 |
| 61 | TRẦN THỊ HẰNG             | Ép nhựa | Xác định thời hạn       | 9422029650 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRAN THI HANG             | 102873015975 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 365182269 |
| 62 | NGUYỄN THỊ KIM ANH        | QC      | Xác định thời hạn       | 7513048114 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN THI KIM ANH        | 105003792014 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272393226 |
| 63 | NGUYỄN THỊ CẨM VÂN        | QC      | Xác định thời hạn       | 7526113345 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN THI CAM VAN        | 107871854484 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272885152 |
| 64 | NGUYỄN HOÀNG LÂM          | QC      | Xác định thời hạn       | 7510039454 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN HOANG LAM          | 102869813441 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272092929 |
| 65 | NGUYỄN THỊ KIM LAN        | QC      | Xác định thời hạn       | 7524853577 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN THI KIM LAN        | 102873164033 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 271581095 |
| 66 | HÀ THỊ THANH TÂM          | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7524893172 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | HA THI THANH TAM          | 108873015979 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 271764231 |
| 67 | NGUYỄN THỊ ANH NGUYỆT     | Kho     | Xác định thời hạn       | 7512076745 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN THI ANH NGUYET     | 101870180173 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272091893 |
| 68 | NGUYỄN VĂN LONG           | Kho     | Không xác định thời hạn | 4707048528 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN VAN LONG           | 103868081496 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 271750865 |
| 69 | NGUYỄN DUY HIẾU           | Kho     | Xác định thời hạn       | 4705019550 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN DUY HIEU           | 108873015942 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272776798 |

|    |                        |         |                   |            |            |            |           |                        |              |                            |              |
|----|------------------------|---------|-------------------|------------|------------|------------|-----------|------------------------|--------------|----------------------------|--------------|
| 70 | NGUYỄN TRƯỜNG QUỐC HUY | Kho     | Xác định thời hạn | 8722268630 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYỄN TRƯỜNG QUỐC HUY | 107873016187 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 342053895    |
| 71 | PHÙNG THỊ PHƯƠNG       | Tập vự  | Xác định thời hạn | 7526208442 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | PHÙNG THỊ PHƯƠNG       | 106869369424 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272913713    |
| 72 | PHẠM THỊ NGỌC MAI      | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 9122750385 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | PHẠM THỊ NGỌC MAI      | 109873164036 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 371561200    |
| 73 | MỘC CẨM HƯƠNG          | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7516017882 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | MỘC CẨM HƯƠNG          | 100873164035 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272655588    |
| 74 | NGUYỄN THỊ KHÁNH VI    | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7523552229 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYỄN THỊ KHÁNH VI    | 101873164034 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 2714848592   |
| 75 | TRẦN THỊ MỸ DUYỀN      | Ép nhựa | Xác định thời hạn | 8923370775 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRẦN THỊ MỸ DUYỀN      | 109873164024 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 352623244    |
| 76 | NGUYỄN THÀNH ĐĂNG      | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 9321094533 | 01/08/2021 | 31/8/2021  | 1.000.000 | NGUYỄN THÀNH ĐĂNG      | 105873164028 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 364209290    |
| 77 | HOÀNG NHẬT NAM         | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 6422015799 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | HOÀNG NHẬT NAM         | 101873164022 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 231348563    |
| 78 | HOÀNG THỊ NHUNG        | Ép nhựa | Xác định thời hạn | 3013043021 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | HOÀNG THỊ NHUNG        | 102873164021 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 073403248    |
| 79 | NGUYỄN THỊ TÂM         | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 4217527591 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYỄN THỊ TÂM         | 105873348530 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 183543322    |
| 80 | SƠN HOÀNG KHANG        | QC      | Xác định thời hạn | 7526287734 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | SƠN HOÀNG KHANG        | 104873348531 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 363948901    |
| 81 | NGUYỄN VĂN ĐẠO         | QC      | Xác định thời hạn | 9123374837 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYỄN VĂN ĐẠO         | 103873348532 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 371881706    |
| 82 | NGUYỄN THẢO DUY        | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7416239142 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYỄN THẢO DUY        | 102873348533 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 385824887    |
| 83 | NGÔ KIM LOÁN           | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 9522039929 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGÔ KIM LOÁN           | 109868984883 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 385796344    |
| 84 | CAO THỊ HÒA            | Lắp ráp | Xác định thời hạn | 7411224339 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | CAO THỊ HÒA            | 101873348534 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 044187000754 |

|            |                      |         |                         |            |            |            |           |                      |              |                            |           |
|------------|----------------------|---------|-------------------------|------------|------------|------------|-----------|----------------------|--------------|----------------------------|-----------|
| 85         | BÉ THỊ LOAN          | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 6822526430 | 01/08/2021 | 31/8/2021  | 1.000.000 | BE THI LOAN          | 100873348535 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 251188250 |
| 86         | THỊ HIẾU             | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 9122454133 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | THI HIEU             | 108873348537 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 371252639 |
| 87         | TRIỆU THỊ LIÊN       | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 6821668547 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRIEU THI LIEN       | 107873348538 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 251002036 |
| 88         | TRƯƠNG THỊ THỎA      | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 4017594325 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRUONG THI THOA      | 108871538757 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 187391308 |
| 89         | TRẦN THỊ HUỖN TRANG  | Kho     | Không xác định thời hạn | 6021316472 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | TRAN THI HUYN TRANG  | 108867629629 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 261036864 |
| 90         | ĐỖ THỊ HẠO           | Kế toán | Không xác định thời hạn | 4705030973 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | DO THI HAO           | 106866882407 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 205172276 |
| 91         | HOÀNG THỊ BÁT        | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7514159768 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | HOANG THI BAT        | 105870745942 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 061022765 |
| 92         | CHU THỊ TÂM          | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7526309899 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | CHU THI TAM          | 105867302912 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272307729 |
| 93         | NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU | Lắp ráp | Xác định thời hạn       | 7513065670 | 01/08/2021 | 30/09/2021 | 1.000.000 | NGUYEN THI NGOC GIAU | 101867161261 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 351813752 |
| CỘNG I     |                      |         |                         |            |            |            |           |                      |              |                            |           |
| 93.000.000 |                      |         |                         |            |            |            |           |                      |              |                            |           |

II. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang mang thai

| TT | Họ và tên           | Thứ tự tại mục I | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |              |                            | Số CMT/thẻ căn cước công dân |
|----|---------------------|------------------|----------------|------------------------------------------|--------------|----------------------------|------------------------------|
|    |                     |                  |                | Tên TK                                   | Số TK        | Ngân hàng                  |                              |
| 1  | TRƯƠNG THỊ THỎA     | 88               | 1.000.000      | TRUONG THI THOA                          | 108871538757 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 187391308                    |
| 2  | TRẦN THỊ HUỖN TRANG | 89               | 1.000.000      | TRAN THI HUYN TRANG                      | 108867629629 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 261036864                    |

CỘNG II

2.000.000

III. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi

| TT                               | Họ và tên            | Thứ tự tại mục I | Thông tin về con và vợ hoặc chồng |                                |                                 |                                                | Số tiền hỗ trợ    | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |              |                            | Số CMT/thẻ căn cước công dân |
|----------------------------------|----------------------|------------------|-----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------|--------------|----------------------------|------------------------------|
|                                  |                      |                  | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi   | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng |                   | Tên TK                                   | Số TK        | Ngân hàng                  |                              |
| 1                                | ĐỖ THỊ HẠO           | 90               | ĐỖ THẢO UYÊN                      | 28/06/2021                     | MẸ ĐƠN THÂN                     |                                                | 1.000.000         | DO THI HAO                               | 106866882407 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 205172276                    |
| 2                                | HOÀNG THỊ BẠT        | 91               | LÝ NGỌC HOA                       | 03/05/2021                     | LÝ DƯƠNG QUỐC                   | 371550446                                      | 1.000.000         | HOANG THI BAT                            | 105870745942 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 061022765                    |
| 3                                | CHU THỊ TÂM          | 92               | HOÀNG HÀ VY                       | 17/07/2021                     | HOÀNG VĂN ĐỘ                    | 60783386                                       | 1.000.000         | CHU THI TAM                              | 105867302912 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 272307729                    |
| 4                                | NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU | 93               | NGUYỄN PHẠM THÁI BẢO              | 05/06/2021                     | NGUYỄN VĂN TƯƠI                 | 352029799                                      | 1.000.000         | NGUYEN THI NGOC GIAU                     | 101867161261 | Vietinbank-CN KCN Biên Hòa | 351813752                    |
| <b>CỘNG III</b>                  |                      |                  |                                   |                                |                                 |                                                | <b>4.000.000</b>  |                                          |              |                            |                              |
| <b>TỔNG CỘNG ( I + II + III)</b> |                      |                  |                                   |                                |                                 |                                                | <b>99.000.000</b> |                                          |              |                            |                              |

**Tổng số tiền hỗ trợ là: 99.000.000 đồng**  
(Chín mươi chín triệu đồng chẵn)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sơn Hùng**